

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

MST: 3 5 0 0 8 3 3 6 7 9

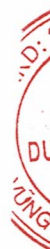
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024



MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
1. THÔNG TIN CHUNG	1 - 1
2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 2
3. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
4.1 Bảng cân đối kế toán	5 - 8
4.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9 - 9
4.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
4.4 Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 33



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thủy Vân, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

THÔNG TIN CHUNG**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số giấy chứng nhận	Ngày cấp	Vốn điều lệ (VND)
Đăng ký lần đầu	4903000487	31/12/2007	52.400.000.000
Điều chỉnh lần thứ nhất	3500833679	01/04/2010	52.400.000.000
Điều chỉnh lần thứ hai	3500833679	25/04/2011	52.400.000.000
Điều chỉnh lần thứ ba	3500833679	03/04/2012	82.400.000.000
Điều chỉnh lần thứ tư	3500833679	19/07/2017	82.400.000.000
Điều chỉnh lần thứ năm	3500833679	07/06/2018	82.400.000.000
Điều chỉnh lần thứ sáu	3500833679	03/12/2018	82.400.000.000

Vốn điều lệ: 82.400.000.000 VND, tương ứng 8.240.000 cổ phần (10.000 VND/cổ phần).

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ vui chơi giải trí, hướng dẫn tham quan, phiên dịch, cung ứng phương tiện đi lại cho khách du lịch; Kinh doanh thuốc lá điều sản xuất trong nước, vận tải hành khách đường bộ, dịch vụ xông hơi và xoa bóp (massage), phòng hát Karaoke, dịch vụ bãi biển và dịch vụ phụ trợ xung quanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ điều lướt ván, giữ xe, bán hải sản tươi sống, hải sản đã qua chế biến, nước giải khát, mua bán rượu, bia, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng hóa phục vụ du lịch, khách sạn; Dịch vụ về xuất nhập cảnh, mua vé máy bay.

TRỤ SỞ CHÍNH

Địa chỉ : Số 01A Thủy Vân, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Điện thoại : (0254) 3 585 326
Fax : 0254 3945650
Mã số thuế : 3 5 0 0 8 3 3 6 7 9

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên điều hành trong kỳ tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm	Ghi chú
Hội đồng quản trị:				
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch	18/5/2023	-	-
Ông Nguyễn Thanh Giao	Thành viên	18/5/2023	-	-
Ông Nguyễn Văn Hăng	Thành viên	18/5/2023	-	-
Ông Dương Thanh Tuấn	Thành viên	18/5/2023	-	-
Ông Nguyễn Tôn Nhơn	Thành viên	18/5/2023	-	-
Bà Vũ Thị Thủy Trúc	Thành viên	18/5/2023	-	-

Ban Kiểm soát:

Bà Lê Mai Phương	Trưởng ban	18/5/2023	-	-
Bà Trương Thị Hòa	Thành viên	18/5/2023	-	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu	Thành viên	18/5/2023	-	-

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng:

Ông Nguyễn Tôn Nhơn	Giám đốc	30/06/2022	-	Tái bổ nhiệm
Bà Ngô Thị Bích Hường	Phó Giám đốc	30/06/2022	03/07/2024	-
Bà Lê Thị Hồng Nga	Kế toán trưởng	30/06/2022	-	Tái bổ nhiệm

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ tài chính và vào ngày lập báo cáo này là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán FAC - chi nhánh Đệ Nhất là công ty kiểm toán cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thủy Vân, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Số: 30 /2025/BCTC-FAC.VT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 31 tháng 3 năm 2025, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- (1) Như được trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của Báo cáo tài chính, ngày 11/11/2024, UBND TP. Vũng Tàu đã ban hành Thông báo số 2792/TB-UBND về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 5982/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của Chủ tịch UBND TP. Vũng Tàu liên quan đến việc cưỡng chế thu hồi đất. Quyết định này yêu cầu Công ty phải tháo dỡ, di dời tài sản trên diện tích 23.558,4 m² do Công ty sử dụng nhằm thực hiện các Quyết định thu hồi số 2315/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 và số 1101/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Theo Thông báo số 2792/TB-UBND, việc cưỡng chế, tháo dỡ và di dời tài sản trên đất đã được thực hiện từ ngày 18/11/2024. Tại ngày lập báo cáo tài chính, Công ty đã bị cưỡng chế, phá dỡ toàn bộ nhà cửa và tài sản liên quan đến hoạt động kinh doanh tại khu vực bãi tắm đường Thùy Vân, TP. Vũng Tàu.

Sự kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu, dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ban Giám đốc Công ty đã lập báo cáo tài chính trên cơ sở doanh nghiệp hoạt động liên tục theo các giả định được trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của Báo cáo tài chính này. Tuy nhiên, tại ngày phát hành báo cáo tài chính, Ban Giám đốc chưa có kế hoạch phục hồi cụ thể sau khi bị cưỡng chế, cũng như chưa có kế hoạch cụ thể để đầu tư, xây dựng lại doanh nghiệp. Dựa theo các thông tin hiện có, chúng tôi chưa thể thu thập đầy đủ các bằng chứng thích hợp chứng minh cho việc sử dụng giả định hoạt động liên tục để soạn lập báo cáo tài chính này là phù hợp.

- (2) Như được trình bày tại Thuyết minh số 15 và thuyết minh số 32 của Báo cáo tài chính, Công ty bị truy thu tiền thuê đất còn phải nộp từ ngày 01/01/2006 đến ngày 31/12/2017 là 34.490.774.319 VND và thu hồi tiền thuê các hạng mục hạ tầng kỹ thuật tại Bãi tắm Thùy Vân do ngân sách Tỉnh đầu tư mà Công ty sử dụng là 3.979.010.000 VND theo kết luận thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/9/2018; quyết định số 175/QĐ-TTr và quyết định số 180/QĐ-TTr cùng ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ngày 07/3/2022, Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền thuê cơ sở hạ tầng theo quyết định 180/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh, số tiền là 3.979.010.000 VND.

Trụ sở chính

64/4 đường DHT 21 – DHT - Quận 12 - TP. Hồ Chí Minh
Tel: (0-28) 3636 4038 - 36364039
Email: kiemtoandenhat@gmail.com

Chi nhánh Đệ Nhất

169 Trương Công Định - TP. Vũng Tàu - Tỉnh Bà Rịa Vũng
Tel : (0 -254) 2 210 287 Fax : (0 -254) 6 253 070
Email: fac_cnvungtau@fac.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Sau nhiều lần khiếu nại nhưng chưa đạt được sự đồng thuận với số tiền truy thu trên đây, Công ty đã khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, UBND thành phố Vũng Tàu, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Chánh Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu liên quan đến tiền thuê đất bị truy thu; thu hồi đất; bồi thường. Ngày 14/02/2025, Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có thông báo số 53/2025/TLST-HC thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm về việc "Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc trường hợp thu hồi đất".

Do Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang thụ lý đơn kiện của Công ty liên quan đến khoản tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng bị truy thu, chúng tôi không thể xác định liệu số tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng có được điều chỉnh hay không. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để xác định chi phí còn thiếu cần ghi nhận cho các năm 2006 đến 2017 theo kết luận của Thanh tra tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- (3) Như được trình bày tại thuyết minh số 15 và thuyết minh số 19 của Báo cáo tài chính: Công ty đã trích lập dự phòng tiền thuê đất cho các năm 2016, 2017 với tổng số tiền là 5.425.225.922 VND mà chưa tính đến khoản tiền thuê đất bị truy thu trên đây; ngoài ra, theo thông báo của Cơ quan Thuế, Công ty đã ghi nhận đầy đủ số tiền thuê đất phải nộp của năm 2020 là 9.191.284.356 VND. Đối với năm 2021, Công ty chỉ nhận được thông báo tiền thuê đất cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 13/08/2021 là 5.361.582.541 VND và không nhận được thông báo cho các năm 2022, 2023 và 2024. Do đó, Công ty đã dựa vào thông báo tiền thuê đất của năm 2020 để trích lập dự phòng cho các năm này, cụ thể: dự phòng cho năm 2021 là 3.829.701.815 VND; dự phòng cho các năm 2022 và 2023 trích lập bằng số tiền thuê đất của năm 2020; và dự phòng cho năm 2024 là 8.093.436.031 VND do khu đất đã bị cưỡng chế thu hồi. Tổng số dự khoản dự phòng đã trích lập tính đến ngày 31/12/2024 là 35.730.932.480 VND. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại 31/12/2024 của Công ty chưa có bất kỳ khoản dự phòng bổ sung nào khác được lập liên quan đến việc Công ty sẽ phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về số tiền thuê đất tại khu vực Bãi tắm Thùy Vân bị truy thu (nếu phải thực hiện) trong tương lai.

Với các tài liệu hiện có, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng để đánh giá số dự phòng đã trích lập của Công ty là phù hợp hay không, liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu dự phòng phải trả đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận cũng như các khoản mục liên quan khác đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại 31 tháng 12 năm 2024.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính đính kèm.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này được phát hành để thay thế báo cáo kiểm toán số 07/2025/BCTC-FAC.VT ngày 17 tháng 3 năm 2025 do Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã quyết định không thực hiện điều chỉnh hồi tố liên quan đến khoản tiền thuê đất bị truy thu theo kết luận thanh tra số 261/KL-TTtr ngày 17/9/2018, quyết định số 175/QĐ-TTtr ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, do vấn đề tranh chấp pháp lý mà Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đang thụ lý (thông báo số 53/2025/TLST-HC ngày 14/02/2025). Chi tiết về sự kiện này được trình bày trong Thuyết minh số 32 của báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và doanh nghiệp kiểm toán này đã đưa ra ý kiến từ chối đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này vào ngày 26 tháng 3 năm 2024.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN FAC
CHI NHÁNH ĐỆ NHẤT



Nguyễn Quang Thông - Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 3916-2022-099-1

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thành Đại - Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 5456-2023-099-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104.707.824.651	46.486.634.712
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	10.186.767.308	5.261.783.276
1. Tiền	111		2.186.767.308	5.261.783.276
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.303.145.205	38.750.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	30.303.145.205	38.750.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		63.739.662.242	1.186.649.145
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	6	45.000.000	241.771.364
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	50.250.000	89.826.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	63.644.412.242	855.051.781
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	325.184.505
1. Hàng tồn kho	141	9	-	325.184.505
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		478.249.896	963.017.786
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	44.506.539	437.034.612
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.689.578	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	15	431.053.779	525.983.174
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thùy Vân, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Mẫu số B01-DN

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.959.418.369	54.675.433.928
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			28.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	8	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	28.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.956.425.869	52.489.172.496
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.956.425.869	52.489.172.496
Nguyên giá	222		4.070.038.182	106.852.350.337
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.113.612.313)	(54.363.177.841)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	83.200.000
III. Bất động sản đầu tư	230			(83.200.000)
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.992.500	2.158.261.432
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.992.500	2.158.261.432
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		106.667.243.020	101.162.068.640

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thùy Vân, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Mẫu số B01-DN

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		36.711.344.605	31.420.116.694
I. Nợ ngắn hạn	310		36.711.344.605	31.420.116.694
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	-	512.270.736
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	10.943.350	256.926.853
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	93.294.523	280.658.832
4. Phải trả người lao động	314	16	131.977.179	1.592.002.568
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	128.600.000	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	224.179.944	192.193.943
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	35.730.932.880	27.637.496.449
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	391.416.729	948.567.313
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Số 01A Thùy Vân, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Mẫu số B01-DN

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		69.955.898.415	69.741.951.946
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	69.955.898.415	69.741.951.946
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.400.000.000	82.400.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		9.109.739.779	9.109.739.779
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(21.553.841.364)	(21.767.787.833)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(21.767.787.833)	(15.372.408.243)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		213.946.469	(6.395.379.590)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		106.667.243.020	101.162.068.640

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2025



Lê Thị Hồng Nga
Người lập



Lê Thị Hồng Nga
Kế toán trưởng





Nguyễn Tuấn Anh
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22.1	28.011.269.452	49.785.171.033
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	22.1	28.011.269.452	49.785.171.033
4. Giá vốn hàng bán	11	23	27.777.645.495	42.227.999.175
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		233.623.957	7.557.171.858
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22.2	2.083.042.317	2.543.619.445
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	13.337.463.909	14.505.179.835
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(11.020.797.635)	(4.404.388.532)
11. Thu nhập khác	31	25	62.918.750.720	34.342.142
12. Chi phí khác	32	25	51.684.006.616	2.025.333.200
13. Lợi nhuận khác	40		11.234.744.104	(1.990.991.058)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		213.946.469	(6.395.379.590)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		213.946.469	(6.395.379.590)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		26	(776)

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2025


Lê Thị Hồng Nga
Người lập


Lê Thị Hồng Nga
Kế toán trưởng


Nguyễn Tuấn Anh
Chủ tịch Hội đồng quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		213.946.469	(6.395.379.590)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	10;11	3.026.272.559	2.601.400.316
- Các khoản dự phòng	03		8.093.436.431	3.766.058.434
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(17.474.313.640)	(1.631.365.545)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.140.658.181)	(1.659.286.385)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		464.972.111	1.549.483.930
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		325.184.505	62.256.245
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.245.057.936)	3.216.658.348
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.547.797.005	(20.752.879)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(557.150.584)	(125.186.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.604.913.080)	3.023.172.959
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	10	-	(2.282.963.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(27.553.145.205)	44.000.000.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		36.000.000.000	(47.000.000.000)
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22.2	2.083.042.317	2.330.090.405
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		10.529.897.112	(2.952.873.231)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		4.924.984.032	70.299.728
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	5.261.783.276	5.191.483.548
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	10.186.767.308	5.261.783.276


Lê Thị Hồng Nga
 Người lập


Lê Thị Hồng Nga
 Kế toán trưởng



Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2025


Nguyễn Tuấn Anh
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1.1 Thông tin về Công ty

Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500833679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2007 và giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 6 cấp ngày 03 tháng 12 năm 2018.

Vốn điều lệ: 82.400.000.000 VND, tương ứng 8.240.000 cổ phần (10.000 VND/cổ phần).

Công ty có trụ sở chính tại: Số 01A Thùy Vân, Phường 8, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ vui chơi giải trí, hướng dẫn tham quan, phiên dịch, cung ứng phương tiện đi lại cho khách du lịch; Kinh doanh thuốc lá điều sản xuất trong nước, vận tải hành khách đường bộ, dịch vụ xông hơi và xoa bóp (massage), phòng hát Karaoke, dịch vụ bãi biển và dịch vụ phụ trợ xung quanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ điều lướt ván, giữ xe, bán hải sản tươi sống, hải sản đã qua chế biến, nước giải khát, mua bán rượu, bia, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng hóa phục vụ du lịch, khách sạn; Dịch vụ về xuất nhập cảnh, mua vé máy bay.

1.2 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

1.4 Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 7 người, ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 108 người.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Giả định hoạt động liên tục

Như được trình bày trong báo cáo tài chính này, vào năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

- Ngày 13/8/2021, UBND Tỉnh đã ban hành quyết định số 2315/QĐ-UBND (được bổ sung căn cứ pháp lý thu hồi đất tại quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 01/4/2022) về việc thu hồi 284.199 m² đất do Công ty Đầu tư Xây lắp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC) được Thủ tướng Chính phủ cho thuê đất tại quyết định số 908/TTg ngày 30/11/1996 để xây dựng bãi tắm Thuỷ Vân tại Tp. Vũng Tàu theo kết luận thanh tra số 261/KL-TTtr của Thanh tra Tỉnh (Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu) ngày 17/9/2018; trong đó 23.544,8 m² diện tích đất do Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu quản lý và sử dụng.

Ngày 25/7/2024, UBND Tp. Vũng Tàu đã ban hành quyết định số 5982/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất, buộc tháo dỡ, di dời tài sản trên diện tích 23.558,4 m² do Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu sử dụng.

Ngày 11/11/2024, UBND Tp. Vũng Tàu đã ban hành thông báo số 2792/TB-UBND về việc tiếp tục thực hiện quyết định số 5982/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của Chủ tịch UBND Tp. Vũng Tàu về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với diện tích 23.558,4 m²/284.199,0 m² đất do Công ty Xây lắp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Công ty Cổ phần Bất động sản và Đầu tư VRC) chưa bàn giao mặt bằng theo quy định và buộc Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Vũng Tàu tháo dỡ, di dời tài sản nhà, vật kiến trúc trên đất để thực hiện quyết định số 2315/QĐ-UBND ngày 13/8/2021, quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 01/4/2022 của UBND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Theo đó, thời gian tổ chức thực hiện cưỡng chế thu hồi đất, áp dụng biện pháp tháo dỡ, di dời tài sản trên đất: Trong 10 ngày, bắt đầu lúc 08 giờ 00 phút, ngày 18/11/2024.

- Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã bị cưỡng chế, phá dỡ toàn bộ nhà cửa, tài sản phục vụ kinh doanh tại khu vực bãi tắm đường Thùy Vân, Thành phố Vũng Tàu.

Điều này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ban Giám đốc đã đánh giá khả năng hoạt động liên tục của Công ty và kết luận rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục. Lý do là Công ty vẫn đang hoạt động bình thường và có kế hoạch đầu tư, xây dựng lại doanh nghiệp. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng tin tưởng vào việc nhận được thêm khoản bồi thường, hỗ trợ bổ sung liên quan đến tranh chấp về tiền thuê đất và bồi thường tài sản, thông qua việc khởi kiện các quyết định của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, UBND thành phố Vũng Tàu, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Chánh Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (xem thuyết minh số 32).

Tuy nhiên, tại ngày phát hành báo cáo tài chính, Ban Giám đốc chưa có kế hoạch phục hồi cụ thể sau khi bị cưỡng chế, cũng như chưa có kế hoạch cụ thể để đầu tư, xây dựng lại doanh nghiệp. Vì vậy, báo cáo tài chính không bao gồm các bút toán điều chỉnh liên quan đến khả năng thu hồi và việc phân loại các số liệu tài sản đã hạch toán hoặc các số liệu và việc phân loại các khoản mục công nợ có thể cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục hoạt động trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực kế toán có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp tại Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo Tài chính.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

- | | |
|------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa và vật kiến trúc | 05 - 35 năm |
| - Máy móc thiết bị | 03 - 12 năm |
| - Phương tiện vận tải | 07 - 08 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 10 năm |
| - Phần mềm quản lý khách sạn | 10 năm |

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trọng tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3.10 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc có nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chi cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam:

Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Quỹ Đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và quyền sở hữu của hàng hóa được chuyển giao cho người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán, cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

3.14 Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng và quản lý, khấu hao tài sản cố định, chi phí vật liệu - công cụ - dụng cụ dùng cho bán hàng và quản lý.

3.15 Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại ngày cuối kỳ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành áp dụng cho Công ty như sau: Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.186.840.477	271.341.060
Tiền gửi ngân hàng (*)	999.926.831	4.990.442.216
Các khoản tương đương tiền (**)	8.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	10.186.767.308	5.261.783.276

(*)	Chi tiết tiền gửi ngân hàng:		
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	338.880.261	783.562.085
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, CN Vũng Tàu	106.814.573	4.055.387.239
	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam, CN Bà Rịa - Vũng Tàu	-	2.318.597
	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, CN Bà Rịa - Vũng Tàu	543.537.564	91.292.186
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, CN Bình Phước	10.694.433	11.164.931
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, CN Bà Rịa - Vũng Tàu	-	41.571.777
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, CN Vũng Tàu	-	5.145.401

(**) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng và hưởng lãi suất 3,50% một năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	30.303.145.205	30.303.145.205	38.750.000.000	38.750.000.000
TỔNG CỘNG	30.303.145.205	30.303.145.205	38.750.000.000	38.750.000.000

Chi tiết khoản tiền gửi có kỳ hạn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, CN Bình Phước	9.500.000.000	9.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, CN Bà Rịa - Vũng Tàu	17.500.000.000	17.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, CN Bà Rịa - Vũng Tàu	3.303.145.205	12.250.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng, hưởng lãi suất từ 2,90% đến 5,50% một năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan		
Phải thu của khách hàng khác	45.000.000	241.771.364
- Đinh Duy Năng	45.000.000	-
- Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam	-	17.500.000
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	-	139.000.000
- Công ty Du lịch Việt Travel	-	85.271.364
TỔNG CỘNG	45.000.000	241.771.364

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	50.250.000	89.826.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Điện Minh Quang	-	89.694.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam tại TP.HCM	-	132.000
- Văn phòng Thừa Phát Lại Bà Rịa - Vũng Tàu	20.000.000	-
- Trả trước cho người bán khác	30.250.000	-
TỔNG CỘNG	50.250.000	89.826.000

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<u>Ngắn hạn</u>		
Phải thu khác từ các bên liên quan	-	-
Phải thu khác	63.644.412.242	855.051.781
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	551.985.669	755.051.781
- Giá trị đề bù tài sản, hoa màu theo các quyết định của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	62.897.745.391	-
- Ký quỹ dịch vụ lữ hành	100.000.000	100.000.000
- Tiền cọc thuê văn phòng	64.000.000	-
- Phải thu khác	30.681.182	-
TỔNG CỘNG	63.644.412.242	855.051.781
<u>Dài hạn</u>		
Tiền cọc thuê văn phòng	-	28.000.000
TỔNG CỘNG	-	28.000.000

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	163.884.556	-
Hàng hoá	-	-	161.299.949	-
TỔNG CỘNG	-	-	325.184.505	-

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	89.135.460.437	13.608.851.718	4.070.038.182	38.000.000	106.852.350.337
Giảm do bị cưỡng chế	(89.135.460.437)	(13.608.851.718)	-	(38.000.000)	(102.782.312.155)
Số cuối năm	-	-	4.070.038.182	-	4.070.038.182

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	39.414.055.644	13.132.978.980	1.778.143.217	38.000.000	54.363.177.841
Trích khấu hao	2.602.127.521	88.675.942	335.469.096	-	3.026.272.559
Giảm do bị cưỡng chế	(42.016.183.165)	(13.221.654.922)	-	(38.000.000)	(55.275.838.087)
Số cuối năm	-	-	2.113.612.313	-	2.113.612.313
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	49.721.404.793	475.872.738	2.291.894.965	-	52.489.172.496
Số cuối năm	-	-	1.956.425.869	-	1.956.425.869

Tại ngày 31/12/2024, nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 1.036.865.455 VND.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phần mềm máy tính				
Nguyên giá	83.200.000	-	83.200.000	-
Giá trị hao mòn	83.200.000	-	83.200.000	-
Giá trị còn lại	-	-	-	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<u>Ngắn hạn</u>		
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	-	108.329.842
- Công cụ, dụng cụ	30.751.500	70.379.887
- Chi phí khác	13.755.039	258.324.883
TỔNG CỘNG	44.506.539	437.034.612
<u>Dài hạn</u>		
- Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	-	1.271.034.104
- Công cụ, dụng cụ	-	882.239.828
- Chi phí khác	2.992.500	4.987.500
TỔNG CỘNG	2.992.500	2.158.261.432

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Phải trả người bán khác	-	-	512.270.736	512.270.736
- Hộ Kinh doanh Bun Ta	-	-	209.536.309	209.536.309
- Chi nhánh Công ty TNHH MM Mega Market (Việt Nam) tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	91.489.970	91.489.970
- Các nhà cung cấp khác	-	-	211.244.457	211.244.457
TỔNG CỘNG	-	-	512.270.736	512.270.736

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước là các khách hàng khác	10.943.350	256.926.853
- Booking.com	-	41.837.580
- Công ty TNHH Truyền thông Chân Trời (HORIZON)	7.843.350	42.930.000
- Khách du lịch lẻ	-	107.367.000
- Các công ty, tổ chức du lịch khác	3.100.000	64.792.273
TỔNG CỘNG	10.943.350	256.926.853

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước của Công ty trong kỳ như sau :

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu (*)	Phải nộp (*)	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu (*)	Phải nộp (*)
Thuế Giá trị gia tăng	-	279.273.618	1.495.504.132	1.774.777.750	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	19.124.852	-	-	-	19.124.852	-
Thuế Thu nhập cá nhân	94.929.395	-	270.063.649	82.182.217	-	92.952.037
Thuế nhà đất	-	-	108.132.757	108.132.757	-	-
Tiền thuê đất (**)	411.928.927	-	-	-	411.928.927	-
Các loại thuế khác	-	1.385.214	43.346.436	44.389.164	-	342.486
Cộng	525.983.174	280.658.832	1.917.046.974	2.009.481.888	431.053.779	93.294.523

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phải thu (thuế nộp thừa) được trình bày trên chỉ tiêu "Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước".

(*) Phải nộp (thuế còn phải nộp) được trình bày trên chỉ tiêu "Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước".

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế GTGT theo chính sách thuế và quy định hiện hành của Nhà nước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số 3.15 và thuyết minh số 27.

() Tiền thuê đất**

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa được cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ký kết các hợp đồng thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng liên quan đến diện tích đất tại khu Bãi tắm Thùy Vân mà Công ty đã quản lý, sử dụng.

+ Truy thu tiền thuê đất (giai đoạn 2006-2017) và tiền thuê cơ sở hạ tầng:

Theo kết luận thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/9/2018, quyết định số 175/QĐ-TTr, quyết định số 180/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty bị truy thu tiền thuê đất còn phải nộp từ ngày 01/01/2006 đến ngày 31/12/2017 là 34.490.774.319 VND và thu hồi tiền thuê các hạng mục hạ tầng kỹ thuật tại Bãi tắm Thùy Vân do ngân sách Tỉnh đầu tư mà Công ty đang sử dụng là 3.979.010.000 VND. Ngày 07/3/2022, Công ty đã ghi nhận vào chi phí và nộp đầy đủ vào ngân sách Nhà nước số tiền thuê cơ sở hạ tầng theo quyết định 180/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh.

Do chưa đạt được sự đồng thuận với số tiền truy thu nên sau nhiều lần khiếu nại, Công ty đã khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, UBND thành phố Vũng Tàu, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Chánh Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu liên quan đến tiền thuê đất bị truy thu; thu hồi đất; bồi thường (thuyết minh số 32).

+ Tiền thuê đất năm 2020; 2021:

Theo thông báo điều chỉnh tiền thuê đất số 9523/TB-CCTKV ngày 24/12/2021 của Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo ("cơ quan Thuế"), số tiền thuê đất phải nộp của năm 2020 là 9.191.284.356 VND. Văn bản này chỉ thông báo số tiền thuê đất năm 2021 cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 13/08/2021 là 5.361.582.541 VND. Dựa trên số tiền thuê đất phải nộp của năm 2020, Công ty đã trích lập dự phòng tiền thuê đất cho năm 2021 là 3.829.701.815 VND = 9.191.284.356 VND - 5.361.582.541 VND.

+ Tiền thuê đất năm 2022; 2023; 2024:

Do không nhận được thông báo cho các năm 2022, 2023 và 2024, Công ty đã dựa vào tiền thuê đất phải nộp của năm 2020 để trích lập dự phòng cho các năm này, cụ thể: Dự phòng cho các năm 2022 và 2023 trích lập bằng số tiền thuê đất của năm 2020; và dự phòng cho năm 2024 được tính đến trước thời điểm Công ty bị cưỡng chế thu hồi đất cơ sở kinh doanh (cưỡng chế thu hồi ngày 18/11/2024), số tiền là 8.093.436.431 VND.

Công ty đã trích lập dự phòng tiền thuê đất cho các năm 2016, 2017 với tổng số tiền là 5.425.225.922 VND mà chưa tính đến khoản tiền thuê đất bị truy thu trên đây, tổng số dự khoản dự phòng tiền thuê đất đã trích lập tính đến ngày 31/12/2024 là 35.730.932.880 VND (xem thuyết minh số 19).

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do đó, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VỮNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	131.977.179	1.592.002.568
Cộng	131.977.179	1.592.002.568

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả khác	128.600.000	-
Phí kiểm toán	55.000.000	-
Phí lập vi bằng	73.600.000	-
TỔNG CỘNG	128.600.000	-

18. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	150.623.345	123.829.485
- Cổ tức phải trả	110.623.345	123.829.485
- Thù lao HĐQT, BKS	40.000.000	-
Phải trả khác	73.556.599	68.364.458
- Hoa hồng phải trả	65.863.618	68.364.458
- Khoản phải trả khác	7.692.981	-
TỔNG CỘNG	224.179.944	192.193.943

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong kỳ	Số hoàn nhập trong kỳ	Số cuối năm
Dự phòng tiền thuê đất còn phải trả cho năm 2016	4.325.225.922	-	-	4.325.225.922
Dự phòng tiền thuê đất còn phải trả cho năm 2017	1.100.000.000	-	-	1.100.000.000
Dự phòng tiền thuê đất còn phải trả cho năm 2021	3.829.701.815	-	-	3.829.701.815
Dự phòng tiền thuê đất còn phải trả cho năm 2022	9.191.284.356	-	-	9.191.284.356
Dự phòng tiền thuê đất phải trả cho năm 2023	9.191.284.356	-	-	9.191.284.356
Dự phòng tiền thuê đất phải trả cho năm 2024	-	8.093.436.431	-	8.093.436.431
TỔNG CỘNG	27.637.496.449	8.093.436.431	-	35.730.932.880

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối năm
Quỹ thưởng Người quản lý điều hành Công ty	324.072.615	-	-	324.072.615
Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	624.494.698	-	557.150.584	67.344.114
TỔNG CỘNG	948.567.313	-	557.150.584	391.416.729

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	82.400.000.000	9.109.739.779	(14.875.408.243)	76.634.331.536
Lỗi trong năm trước	-	-	(6.395.379.590)	(6.395.379.590)
Trích lập quỹ	-	-	(497.000.000)	(497.000.000)
Số cuối năm	82.400.000.000	9.109.739.779	(21.767.787.833)	69.741.951.946
Năm nay				
Số đầu năm	82.400.000.000	9.109.739.779	(21.767.787.833)	69.741.951.946
Lãi trong năm nay	-	-	213.946.469	213.946.469
Số cuối năm	82.400.000.000	9.109.739.779	(21.553.841.364)	69.955.898.415

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn điều lệ tại ngày cuối kỳ(VND)	Sở hữu (%)	Vốn điều lệ tại ngày đầu kỳ (VND)	Sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc Tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	34.099.630.000	41,38%	34.099.630.000	41,38%
Ông Lữ Quốc Khánh	20.590.000.000	24,99%	20.590.000.000	24,99%
Ông Nguyễn Thanh Giao	15.735.940.000	19,10%	15.735.940.000	19,10%
Vốn của các cổ đông khác	11.974.430.000	14,53%	11.974.430.000	14,53%
TỔNG CỘNG	82.400.000.000	100,00%	82.400.000.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

21.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.240.000	8.240.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.240.000	8.240.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.240.000	8.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

21.4 Cổ tức

Trong năm không chi trả cổ tức.

21.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	213.946.469	(6.395.379.590)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	213.946.469	(6.395.379.590)
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.240.000	8.240.000
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	26	(776)

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	28.011.269.452	49.785.171.033
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán hàng	571.519.932	668.413.484
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.439.749.520	49.116.757.549
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	28.011.269.452	49.785.171.033
<u>Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan</u>	<u>41.035.513</u>	<u>31.005.713</u>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	41.035.513	31.005.713

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.083.042.317	2.543.619.445
TỔNG CỘNG	2.083.042.317	2.543.619.445

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng	347.863.782	341.087.123
Giá vốn cung cấp dịch vụ	27.429.781.713	41.886.912.052
TỔNG CỘNG	27.777.645.495	42.227.999.175

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.383.732.319	3.094.147.524
Chi phí đồ dùng văn phòng	41.376.424	26.842.324
Thuế, phí và lệ phí	113.133.157	114.132.777
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	8.093.436.031	9.191.284.356
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.608.559	-
Chi phí bằng tiền khác	1.702.177.419	2.078.772.854
TỔNG CỘNG	13.337.463.909	14.505.179.835

25. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	62.918.750.720	34.342.142
Giá trị đền bù tài sản, hoa màu	62.897.745.391	-
Thu nhập khác	21.005.329	34.342.142
Chi phí khác	51.684.006.616	2.025.333.200
Giá trị còn lại của tài sản bị cưỡng chế	47.506.474.068	-
Giá trị còn lại của chi phí trả trước bị cưỡng chế	1.753.245.020	-
Chi phí tư vấn pháp luật	2.125.600.000	-
Thuế truy thu	-	1.273.104.576
Phạt chậm nộp, kê khai sai	-	565.669.170
Chi phí khác	298.687.528	186.559.454
LỢI NHUẬN KHÁC	11.234.744.104	(1.990.991.058)

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.119.489.466	5.933.732.253
Chi phí nhân công	13.043.847.949	15.780.948.147
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Thuyết minh số 09,10)	3.026.272.559	3.513.654.216
Chi phí dự phòng	8.093.436.031	9.191.284.356
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.965.182.778	19.752.930.424
Chi phí khác bằng tiền	7.355.132.283	2.192.905.631
TỔNG CỘNG	40.603.361.066	56.365.455.027

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Các báo cáo Khai và Quyết toán Thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của các Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về Thuế. Do đó số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của các Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về thuế.

	Năm nay	Năm trước
a) Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	213.946.469	(6.395.379.590)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
b) Các khoản điều chỉnh tăng	2.919.432.548	2.268.333.200
Chi phí không được trừ	2.919.432.548	2.268.333.200
c) Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	3.133.379.017	-
d) Lợi tức chịu thuế ước tính trong năm (a+b)	-	(4.127.046.390)
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD theo thuế suất phổ thông 20%	-	-
e) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Bên liên quan của Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Cổ đông lớn - sở hữu 41,38% vốn điều lệ
Ông Lữ Quốc Khánh	Cổ đông lớn - sở hữu 24,99% vốn điều lệ
Ông Nguyễn Thanh Giao	Cổ đông lớn - sở hữu 19,10% vốn điều lệ
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	Thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch	Bán hàng, cung cấp dịch vụ	44.366.100	34.728.225
Quốc tế tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Thu tiền	44.366.100	34.728.225

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát			
Thủ lao phải trả		520.000.000	322.500.000
Thủ lao đã trả		480.000.000	411.000.000

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng			
Lương và thưởng		1.149.127.475	1.373.841.202

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Thủ lao phải trả	40.000.000	-
Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	Lương và thưởng phải trả	73.979.000	182.442.581

29. NỢ TIỀM TÀNG

Như được trình bày tại thuyết minh số 15, theo kết luận thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/9/2018, quyết định số 175/QĐ-TTr, quyết định số 180/QĐ-TTr cùng ngày 05/10/2018 của Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Công ty bị truy thu tiền thuê đất còn phải nộp từ ngày 01/01/2006 đến ngày 31/12/2017 là 34.490.774.319 VND và truy thu tiền thuê các hạng mục hạ tầng kỹ thuật tại Bãi tắm Thùy Vân do ngân sách tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đầu tư mà Công ty sử dụng là 3.979.010.000 VND. Ngày 21/02/2022, Thanh tra Tỉnh đã ban hành văn bản số 203/Ttr-NV2, đề nghị Công ty nộp số tiền còn nợ vào ngân sách Nhà nước theo kết luận, quyết định thanh tra trên đây, số tiền là 38.469.784.319 VND. Ngày 07/3/2022, Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền thuê cơ sở hạ tầng theo quyết định 180/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh, số tiền là 3.979.010.000 VND.

Như được trình bày tại thuyết minh số 32, sau nhiều lần khiếu nại nhưng chưa đạt được sự đồng thuận với số tiền truy thu trên đây, Công ty đã khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, UBND thành phố Vũng Tàu, Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Chánh Thanh tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu liên quan đến tiền thuê đất bị truy thu; thu hồi đất; bồi thường. Ngày 14/02/2025, Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có thông báo số 53/2025/TLST-HC thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm về việc "Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc trường hợp thu hồi đất". Hiện tại, Công ty vẫn đang trong quá trình chờ giải quyết vụ kiện. Do đó, Công ty không có cơ sở để xác định chi phí còn thiếu cần ghi nhận cho các năm 2006 đến 2017 theo kết luận của Thanh tra tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Như được trình bày tại thuyết minh số 19, Công ty đã trích lập dự phòng tiền thuê đất cho các năm 2016, 2017 với tổng số tiền là 5.425.225.922 VND mà chưa tính đến khoản tiền thuê đất bị truy thu trên đây; ngoài ra, theo thông báo của Cơ quan Thuế, Công ty đã ghi nhận đầy đủ số tiền thuê đất phải nộp của năm 2020 là 9.191.284.356 VND. Đối với năm 2021, Công ty chỉ nhận được thông báo tiền thuê đất cho giai đoạn từ 01/01/2021 đến 13/08/2021 là 5.361.582.541 VND và không nhận được thông báo cho các năm 2022, 2023 và 2024. Do đó, Công ty đã dựa vào thông báo tiền thuê đất của năm 2020 để trích lập dự phòng cho các năm này, cụ thể: dự phòng cho năm 2021 là 3.829.701.815 VND; dự phòng cho các năm 2022 và 2023 trích lập bằng số tiền thuê đất của năm 2020; và dự phòng cho năm 2024 là 8.093.436.031 VND do khu đất đã bị cưỡng chế thu hồi. Tổng số dư khoản dự phòng đã trích lập tính đến ngày 31/12/2024 là 35.730.932.480 VND. Như vậy, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại 31/12/2024 của Công ty chưa có bất kỳ khoản dự phòng bổ sung nào khác được lập liên quan đến việc Công ty sẽ phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính về số tiền thuê đất tại khu vực Bãi tắm Thủy Vân bị truy thu (nếu phải thực hiện) trong tương lai.

30. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công cụ tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Mục đích chính của những công cụ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro về tính thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để bảo đảm sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng những chính sách quản lý cho những rủi ro nêu trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường bao gồm các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ (rủi ro ngoại hối), rủi ro hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan, phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường, trên cơ sở đó, Công ty dự tính và điều chỉnh mức đòn bẩy tài chính cũng như chiến lược tài chính theo tình hình hiện tại để có được mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VŨNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Rủi ro ngoại hối

Rủi ro ngoại hối là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty ít chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái vì Công ty sử dụng VND là đơn vị tiền tệ chính trong các hoạt động của Công ty.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về mặt tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách bán hàng, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa được thu và tìm cách duy trì chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều đối tượng khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty duy trì tiền gửi ngân hàng tại các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức tập trung độ với rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Công ty cho là đủ để đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ VỮNG TÀU

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Số đầu kỳ				
Phải trả người bán	512.270.736	-	-	512.270.736
Các khoản phải trả khác	192.193.943	-	-	192.193.943
Cộng	704.464.679			704.464.679
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	224.179.944	-	-	224.179.944
Cộng	224.179.944			224.179.944

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ ở mức kiểm soát được. Công ty có đủ khả năng thanh toán cho các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền được tạo ra từ hoạt động kinh doanh, tiền thu hồi các tài sản tài chính khi đáo hạn.

31. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính của Công ty

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền gửi ngắn hạn	30.303.145.205	38.750.000.000	30.303.145.205	38.750.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.186.767.308	5.261.783.276	10.186.767.308	5.261.783.276
Phải thu khách hàng	45.000.000	241.771.364	45.000.000	241.771.364
Phải thu khác	63.644.412.242	855.051.781	63.644.412.242	855.051.781
Cộng	104.179.324.755	45.108.606.421	104.179.324.755	45.108.606.421

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán	-	512.270.736	-	512.270.736
Các khoản phải trả khác	224.179.944	192.193.943	224.179.944	192.193.943
Cộng	224.179.944	704.464.679	224.179.944	704.464.679

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý cho mục đích thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

- Giá trị hợp lý của tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và các khoản nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.
- Giá trị hợp lý các khoản phải thu khác được Công ty đánh giá dựa vào khả năng trả nợ của từng đối tượng phải thu. Trên cơ sở đánh giá này, Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày kết thúc kỳ tài chính, Công ty đánh giá giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- Các khoản nợ phải trả tài chính khác mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các khoản vay ngân hàng và các khoản nợ phải trả tài chính khác này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

(i) Theo kết luận thanh tra số 261/KL-TTr ngày 17/9/2018, quyết định số 175/QĐ-TTr, quyết định số 180/QĐ-TTr ngày 05/10/2018 của Thanh tra Tỉnh (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), Công ty bị truy thu tiền thuê đất còn phải nộp từ ngày 01/01/2006 đến ngày 31/12/2017 là 34.490.774.319 VND và truy thu tiền thuê các hạng mục hạ tầng kỹ thuật tại Bãi tắm Thùy Vân do ngân sách tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đầu tư mà Công ty đang sử dụng là 3.979.010.000 VND.

Ngày 14/02/2025, Tòa án Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có thông báo số 53/2025/TLST-HC thụ lý vụ án hành chính sơ thẩm về việc "*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc trường hợp thu hồi đất*".

- (ii) Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị của Công ty đã thống nhất không thực hiện điều chỉnh hồi tố liên quan đến khoản tiền thuê đất bị truy thu theo các kết luận, quyết định trên đây do Công ty hiện đang tranh chấp pháp lý với các cơ quan chức năng theo thông báo thụ lý vụ án số 53/2025/TLST-HC. Do đó, các điều chỉnh hồi tố đã thực hiện trong báo cáo tài chính trước đây phát hành ngày 17 tháng 3 năm 2025 đã được loại bỏ trong báo cáo tài chính này để phản ánh quyết định mới của Hội đồng quản trị. Nội dung quyết định không điều chỉnh hồi tố theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 27/3/2025.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 2025


Lê Thị Hồng Nga
Người lập


Lê Thị Hồng Nga
Kế toán trưởng

à Rịa Vũng Tàu, ngày 31 tháng 3 năm 202



Nguyễn Tuấn Anh
Chủ tịch Hội đồng quản trị